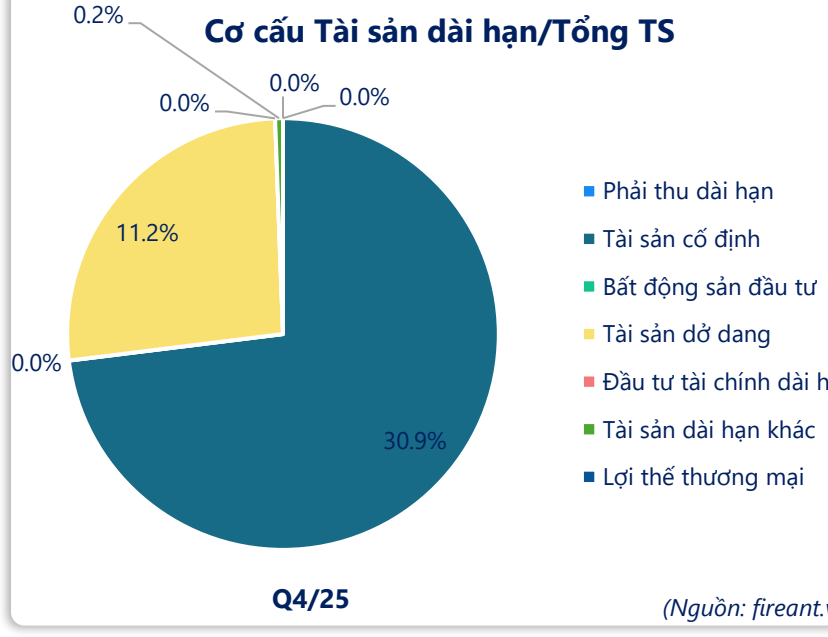
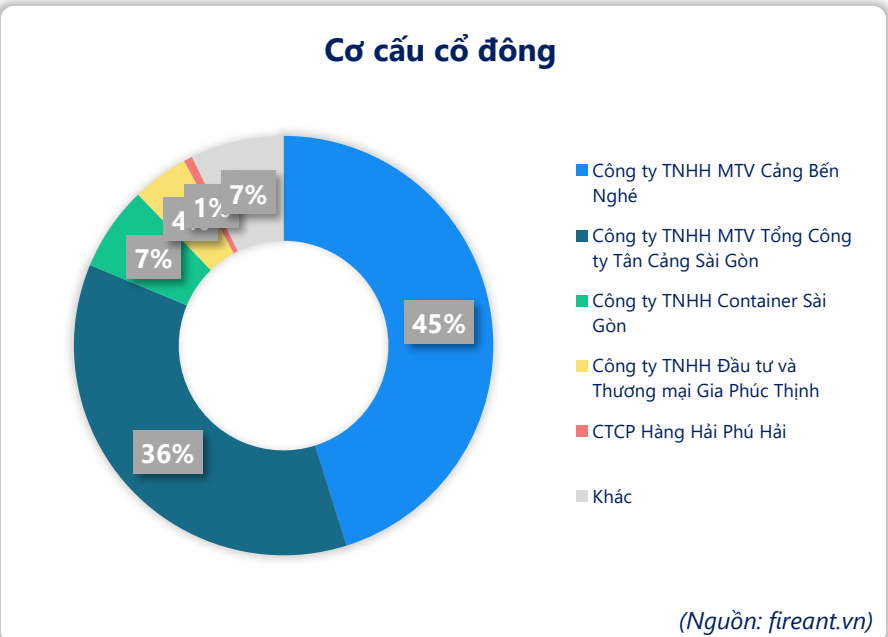
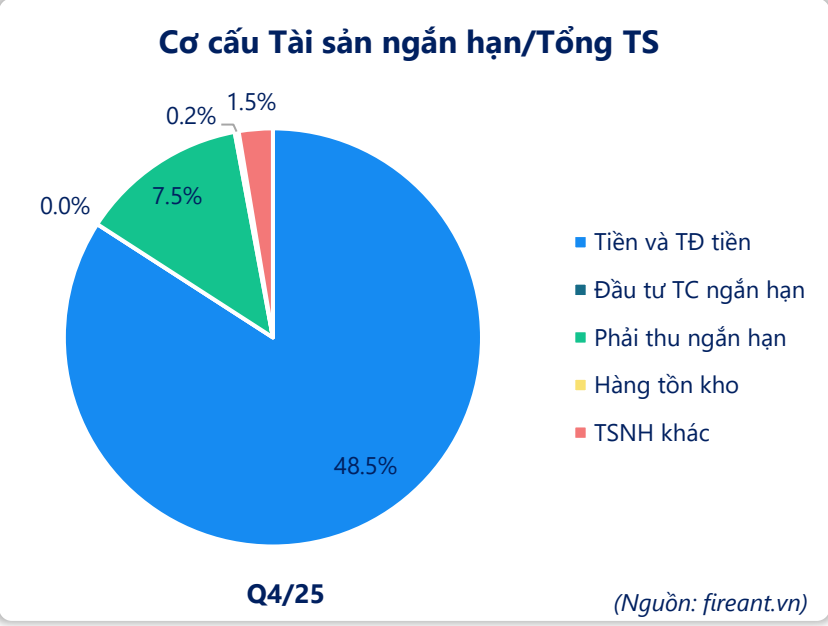
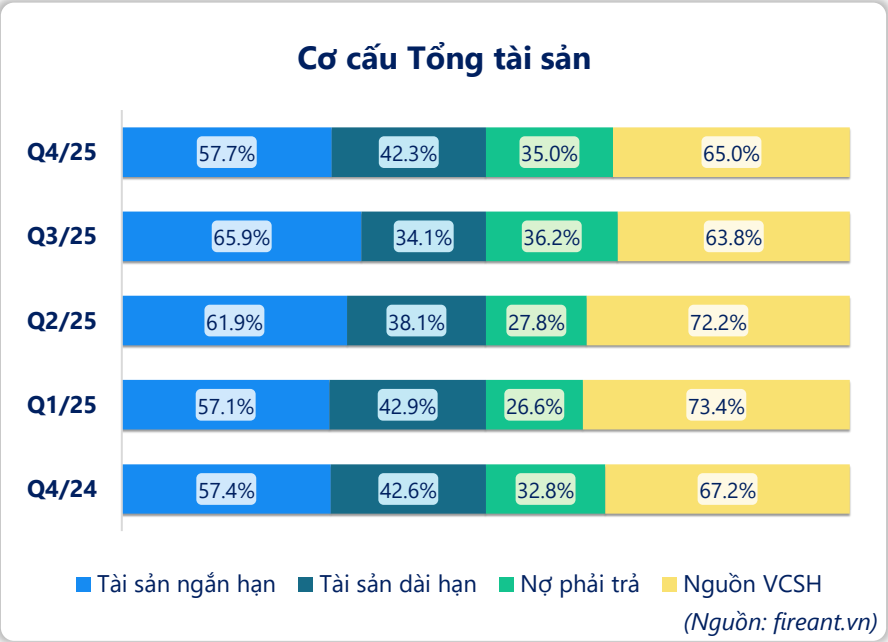
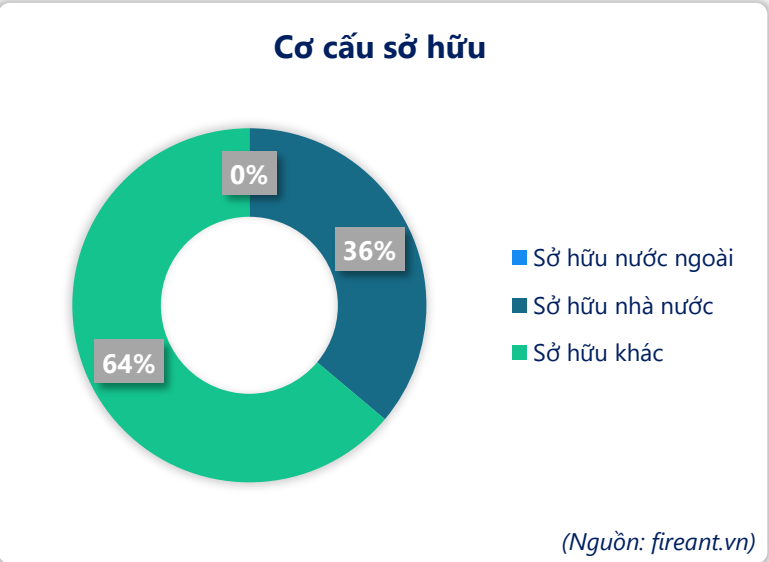
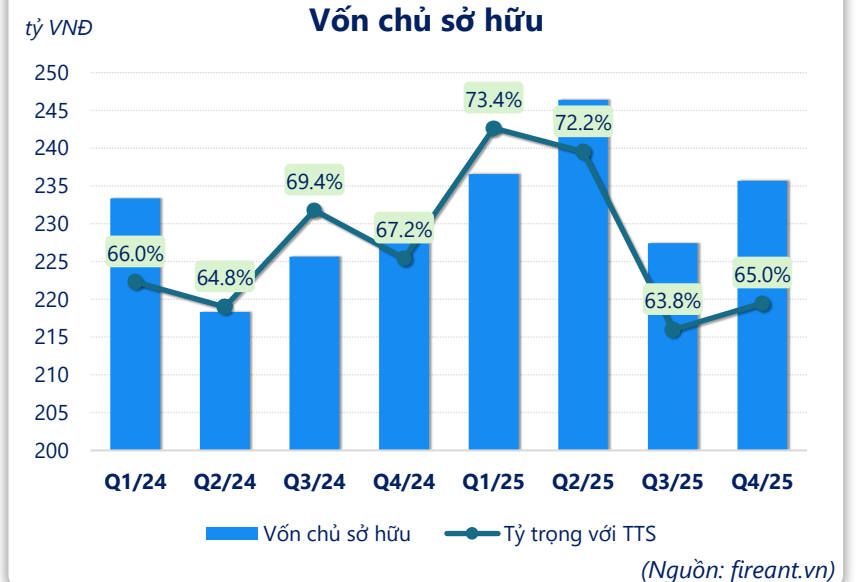
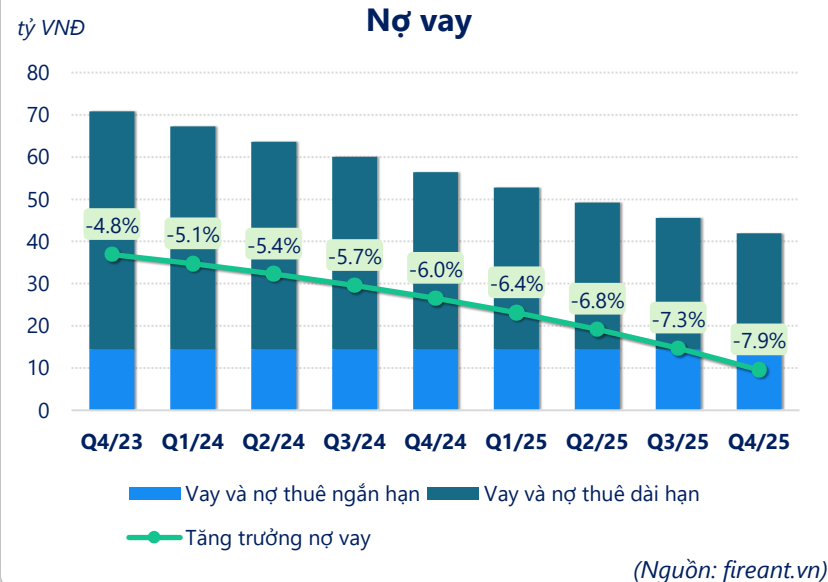
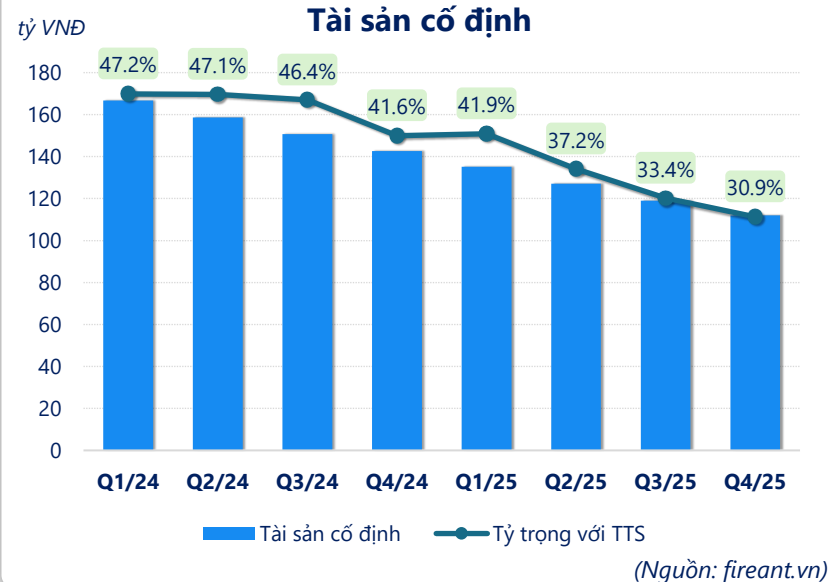
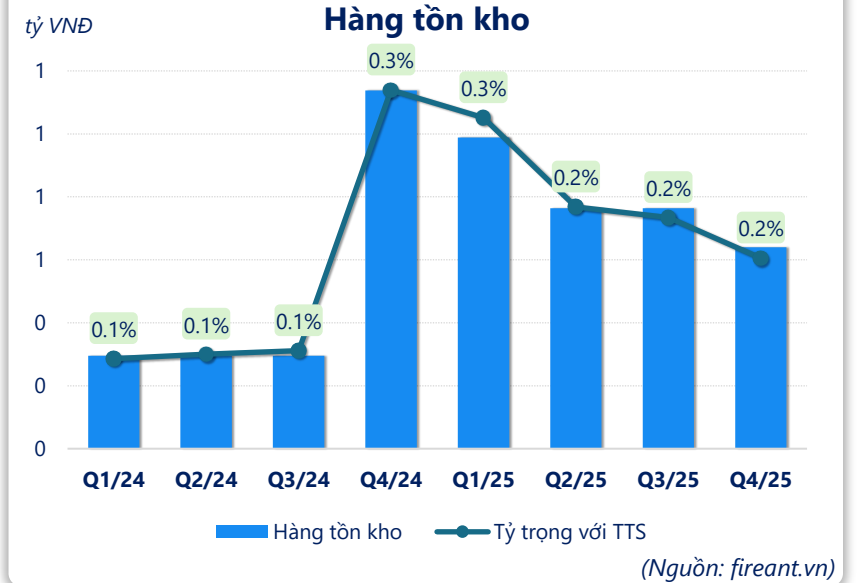
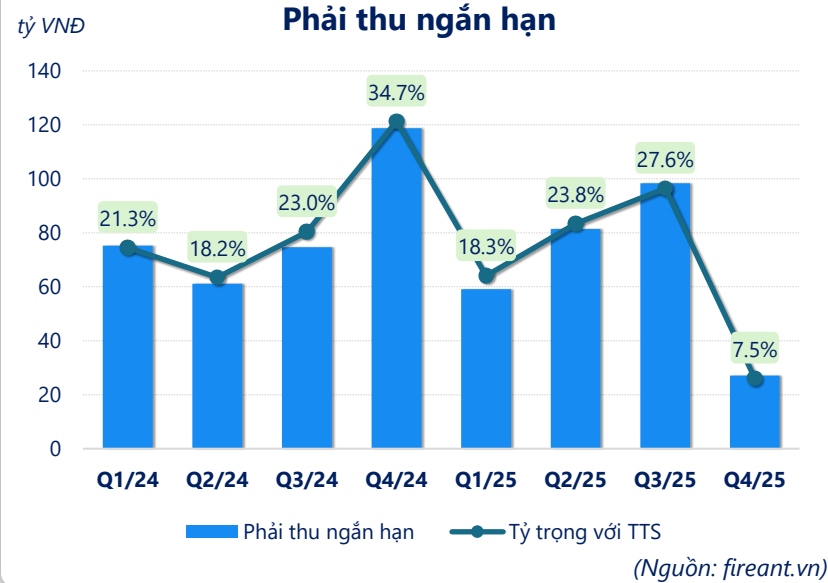
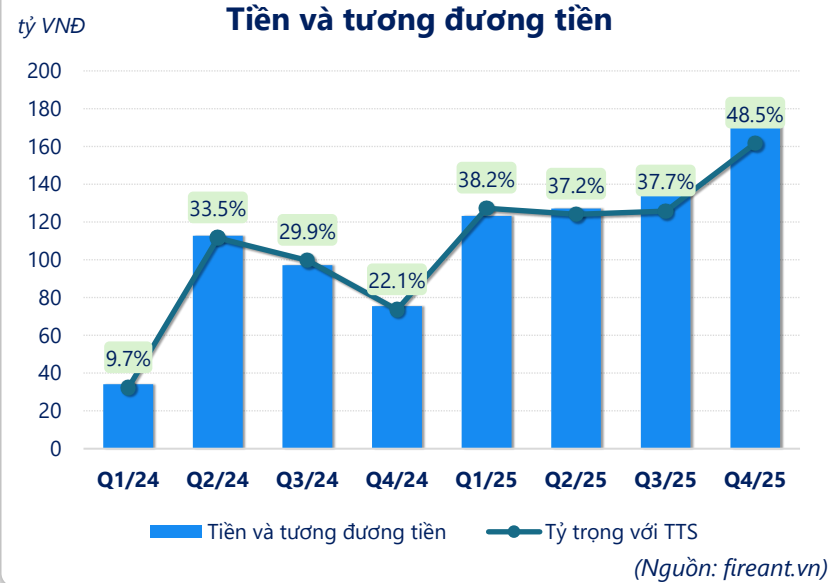
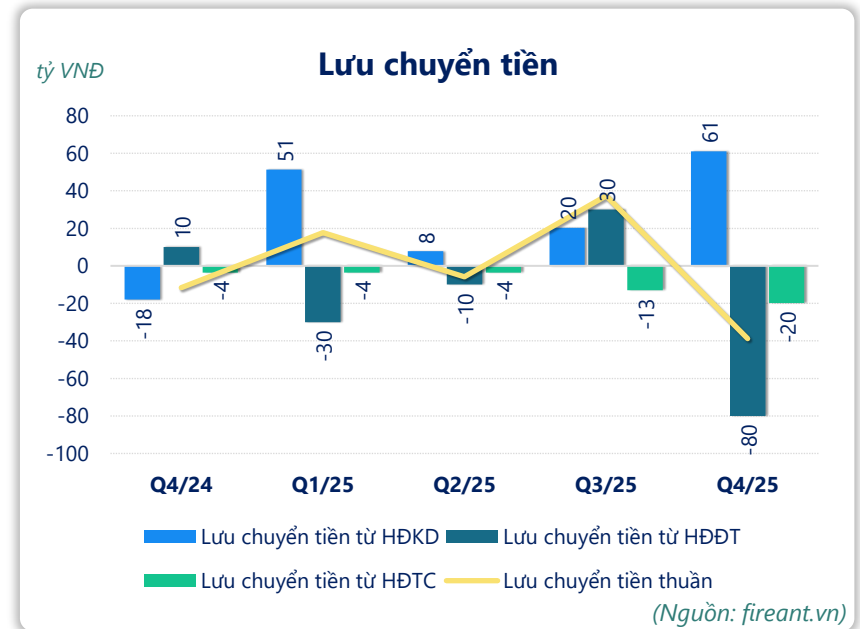
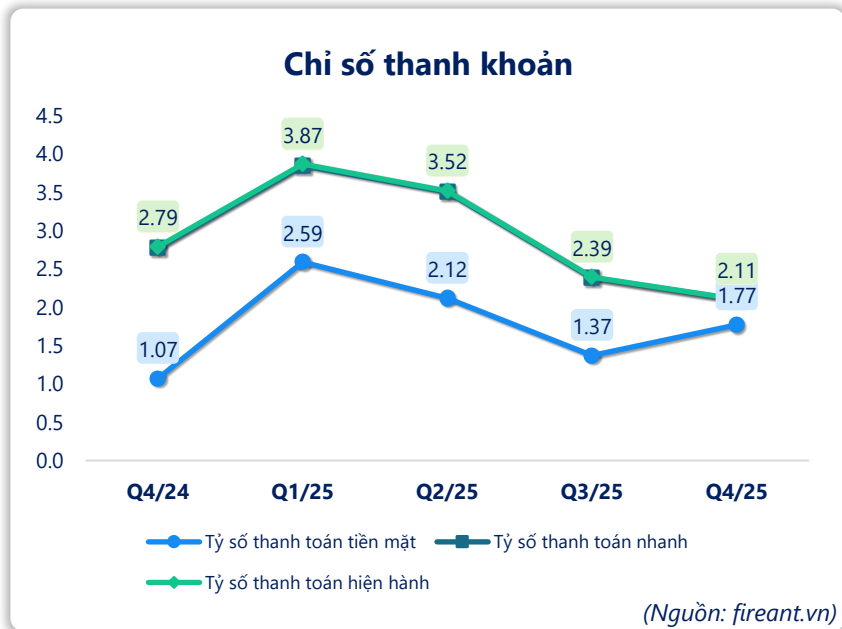
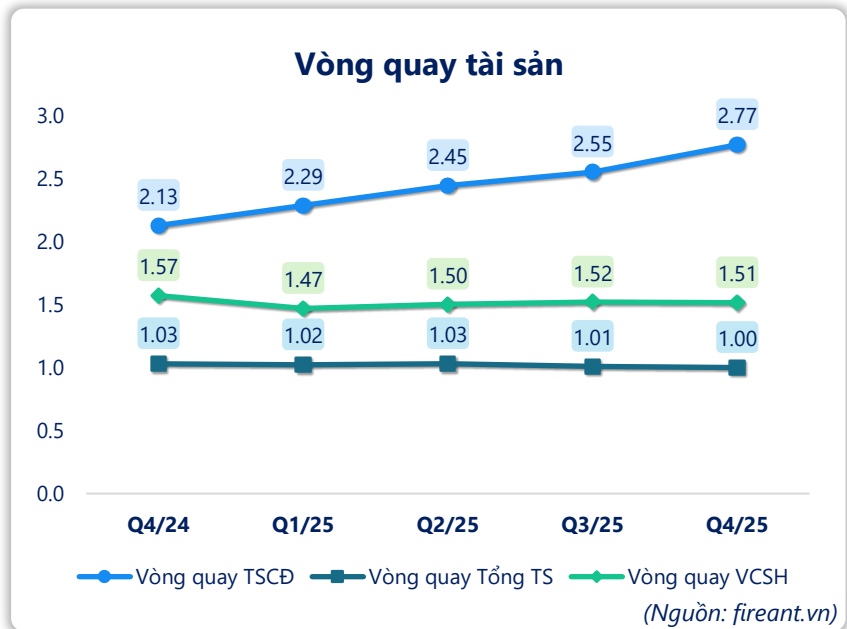
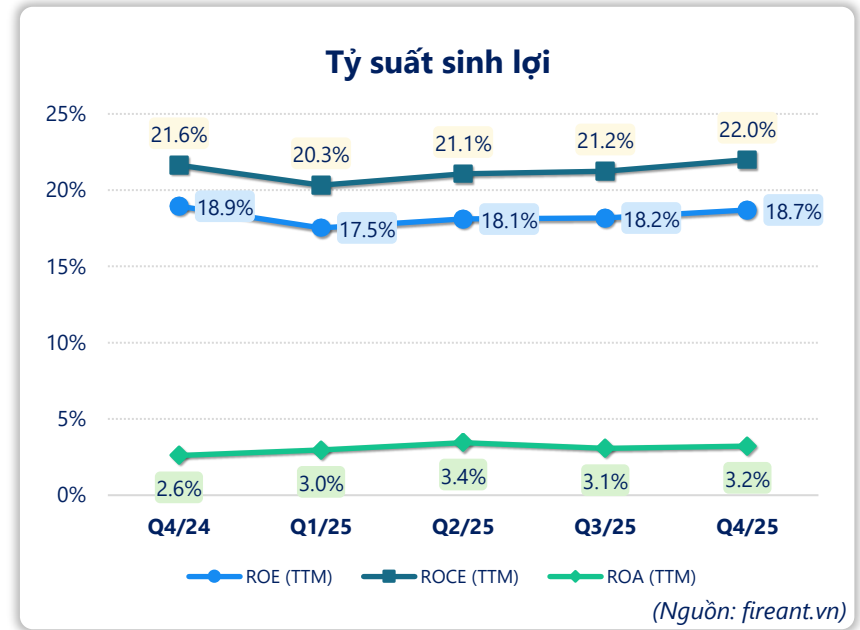
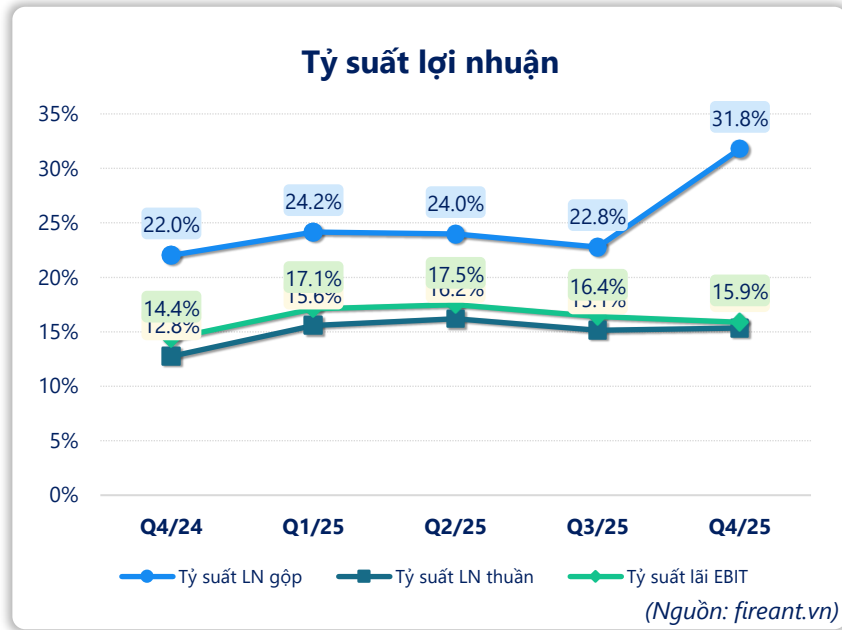
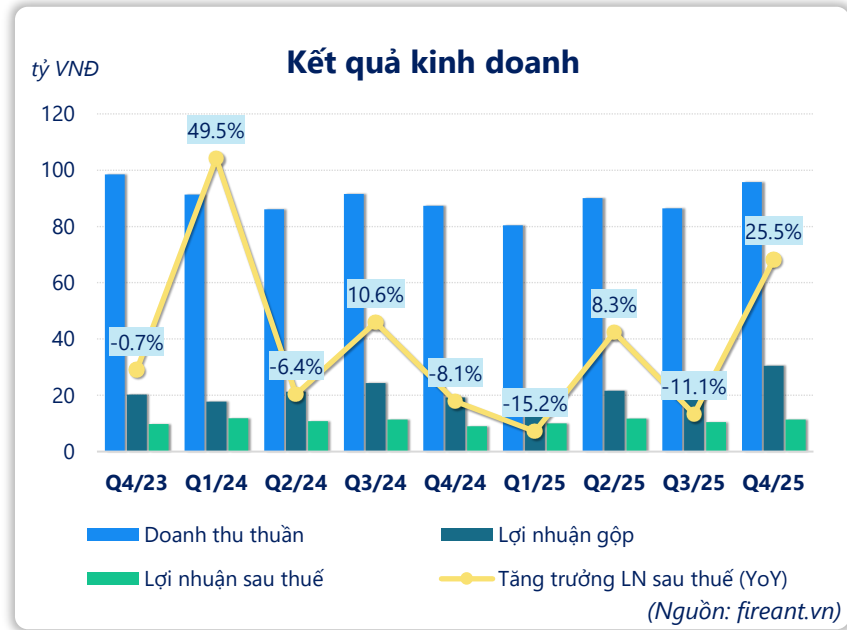


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,695
SL cổ phiếu LH		16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		369
P/E		8.5
EPS		2,705

	YTD	1T	3T	6T
PNP	6.8%	9.0%	4.6%	11.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	362	343	5.8%
Tài sản ngắn hạn	209	196	6.5%
Tiền và tương đương tiền	176	75.3	134%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	27.1	119	-77.2%
Hàng tồn kho	0.64	1.14	-43.8%
Tài sản ngắn hạn khác	5.49	0.89	518%
Tài sản dài hạn	153	146	4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	112	143	-21.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.5	1.47	2657%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.90	2.08	-57.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	112	12.7%
Nợ ngắn hạn	99.3	70.5	40.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.5	36.1	61.8%
Nợ dài hạn	27.5	42.0	-34.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	27.5	42.0	-34.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	236	230	2.4%
Vốn chủ sở hữu	236	230	2.4%
Vốn điều lệ	161	161	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	87.3	80.4	90.1	86.5	95.7
Giá vốn hàng bán	68.1	60.9	68.5	66.8	65.3
Lợi nhuận gộp	19.2	19.4	21.6	19.7	30.4
Doanh thu HĐTC	1.17	0.70	1.32	0.97	1.49
Chi phí TC	1.31	1.22	1.16	1.08	0.99
Chi phí lãi vay	1.31	1.22	1.16	1.08	0.99
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.95	6.38	7.17	6.49	16.2
LN thuần từ HĐKD	11.1	12.5	14.6	13.1	14.7
Lợi nhuận khác	0.12	0.00	0.00	0.00	-0.49
LN trước thuế	11.3	12.5	14.6	13.1	14.2
Lợi nhuận sau thuế	9.00	10.0	11.7	10.5	11.4
LNST của CĐ cty mẹ	9.00	10.0	11.7	10.5	11.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.0	51.2	7.74	20.3	61.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.0	-30.0	-10.0	30.0	-80.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.61	-3.61	-3.61	-13.0	-19.9
Tiền đầu kỳ	16.9	5.28	22.9	17.0	54.4
Lưu chuyển tiền thuần	-11.6	17.6	-5.87	37.3	-38.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.28	22.9	17.0	54.4	15.6

(Nguồn: fireant.vn)